

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 975/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao
thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 592/CV-HĐND ngày 30/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 887/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Thạch Thành.

5. Mục tiêu đầu tư: Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trong vùng, kết nối các tuyến đường giao thông của 2 xã với các trục chính, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho xã Thành Minh, Thành Yên, huyện Thạch Thành và các vùng lân cận.

6. Nội dung và quy mô đầu tư

6.1. Nội dung đầu tư: Đầu tư cải tạo, nâng cấp 13,6km đường giao thông; gồm tuyến chính và 02 tuyến nhánh.

a) *Tuyến chính:* Đi qua địa phận xã Thành Minh và xã Thành Yên. Điểm đầu Km0 - giao với Đường tỉnh 522 thuộc địa phận làng Sỏi, xã Thành Minh; điểm cuối Km7+872,31 - giao với đường Thành Mỹ - Thành Yên tại ngã ba làng Sánh, xã Thành Yên. Tổng chiều dài 7.961,19m.

b) *Tuyến nhánh:*

- Tuyến nhánh 1: Đi qua địa phận thôn Mục Long, thôn Mặc thuộc xã Thành Minh. Điểm đầu Km0 - giao với giao với tuyến chính tại Km4+430,29 thuộc địa phận thôn Mục Long; điểm cuối Km3+593,62 - giao với đường tỉnh 522 tại Km26+790 thuộc địa phận thôn Mặc. Tổng chiều dài 3.615,94m.

- Tuyến nhánh 2: Đi qua địa phận thôn Mục Long, thôn Sỏi và thôn Luông xã Thành Minh. Điểm đầu Km0 - giao với giao với tuyến chính tại Km3+311,04; điểm cuối Km2+383,1 - đến ranh giới tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Ninh Bình. Tổng chiều dài 2.373,8m.

6.2. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

a) *Cấp đường:*

- Tuyến chính: Đường cấp V miền núi (theo TCVN 4054-2005); vận tốc thiết kế $V_{tt}=30\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=6,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$. Công trình thoát nước vĩnh cửu.

- Hai tuyến nhánh: Đường GTNT loại B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ GTVT); vận tốc thiết kế $V_{tt}=20\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$. Công trình thoát nước vĩnh cửu

b) *Kết cấu áo đường:*

+ Tuyến chính: Mặt đường láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa $4,5\text{kg/m}^2$; móng đường lớp dưới bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6) dày 24cm, móng đường lớp trên bằng đá dăm (4x6) chêm chèn dày 12cm.

+ Tuyến nhánh: Mặt đường láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn nhựa $3,0\text{kg/m}^2$; móng đường lớp dưới bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6) dày 15cm, móng đường lớp trên bằng đá dăm (4x6) chêm chèn dày 15cm.

c) *Nút giao:* Bố trí giao bằng, mở rộng theo tiêu chuẩn cấp đường (đối với các đường ngang); đối với đường dân sinh, đắp vuốt nổi tạo êm thuận, chiều dài vuốt nổi $\geq 10\text{m}$.

d) *Công trình thoát nước:* Thoát nước dọc bằng chảy tỏa và rãnh dọc, những đoạn có độ dốc dọc đáy rãnh $\geq 4\%$ được gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng; thoát nước ngang thiết kế vĩnh cửu, tải trọng H30-XB80, tần suất $P=4\%$ (đối với cầu nhỏ, cống) và $P=100\%$ đối với tràn liên hợp.

đ) *Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:* Theo danh mục tại hồ sơ dự án kèm theo.

e) *Hệ thống an toàn giao thông*: Theo QCVN41: 012/BGTVT.

7. **Địa điểm xây dựng**: Xã Thành Minh và Thành Yên, huyện Thạch Thành.

8. **Diện tích đất sử dụng**: Khoảng 5,2 ha.

9. **Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư**: Giao UBND huyện Thạch Thành thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

10. **Tổng mức đầu tư**: 82.893.880.000 đồng.

Trong đó :

- Chi phí giải phóng mặt bằng	4.935.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng	57.697.324.000 đồng
- Chi phí Quản lý dự án	889.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.556.462.000 đồng
- Chi phí khác	3.316.280.000 đồng
- Chi phí dự phòng	10.499.814.000 đồng

(chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo)

11. **Nguồn vốn đầu tư**: Ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng).

12. **Thời gian thực hiện**: Không quá 05 năm (2016 - 2020).

13. **Hình thức quản lý dự án**: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. **Các bước thiết kế**: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 2. Giao UBND huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 886/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/3/2016 của Sở Giao thông vận tải và các ngành, đơn vị liên quan.

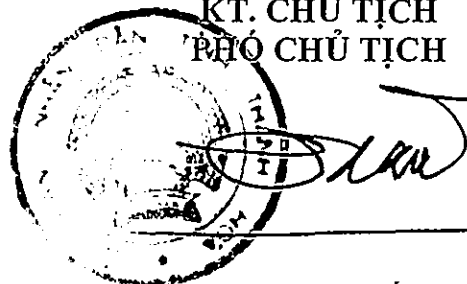
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

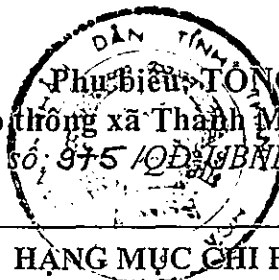
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn



Phụ biểu TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án đường giao thông xã Thanh Minh - Thanh Yên, huyện Thạch Thành
(Kèm theo Quyết định số: 975/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	57.697.324.000
II	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	4.935.000.000
III	CHI PHÍ QLDA	889.000.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	5.556.462.000
1	Thẩm tra thiết kế BVTC	51.333.000
2	Thẩm tra dự toán	48.562.000
3	Giám sát thi công	1.074.012.000
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	73.397.000
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT TVKSKT bước DADT	45.539.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT TVKSKT bước BVTC	50.000.000
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát	50.000.000
8	Chi phí khảo sát, thiết kế bước lập DADT	1.216.659.000
9	Chi phí khảo sát, thiết kế bước BVTC	1.600.000.000
10	Chi phí thiết kế BVTC	642.478.000
11	Giám sát, đánh giá dự án	177.800.000
12	Chi phí lập hồ sơ và cắm cọc GPMB	350.000.000
13	Chi phí thẩm tra hiệu quả dự án đầu tư	28.015.000
14	Chi phí đánh giá tác động môi trường	200.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC	3.316.280.000
1	Bảo hiểm công trình	242.328.000
2	Rà phá bom mìn	350.000.000
3	Thẩm định dự án đầu tư	10.277.000
4	Chi phí thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	57.698.000
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn giám sát	2.000.000
6	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KS-TK bước lập DADT	2.000.000
7	Thẩm định HSMT và KQĐT TVKSTK bước lập BCTC	2.000.000
8	Thẩm định thiết kế BVTC	11.198.000
9	Thẩm định dự toán	10.592.000
10	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	30.000.000
11	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	64.946.000
12	Chi phí kiểm toán công trình	225.348.000
13	Chi phí xây dựng nhà tạm	1.153.946.000

14	Chi phí trực tiếp khác	1.153.946.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	10.499.814.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	7.239.408.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	3.260.406.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	82.893.880.000